



BÁO CÁO NĂM 2008

**Tổng quan kinh tế và
thị trường chứng khoán Việt Nam**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

TỔNG QUAN

Kinh tế Việt Nam và Kinh tế thế giới đã và đang trải qua cuộc khủng hoảng lớn nhất kể từ đại suy thoái 1929-1930. Trình độ quản lý cao đã dẫn đến rủi ro tiềm ẩn nằm trong nội tại nền kinh tế trong cả một thời gian dài, trước khi đến ngày bùng phát. Mức độ liên thông giữa các nền kinh tế đã khiến cho khủng hoảng nợ xấu của Mỹ làm thay đổi cuộc sống của cả những người dân nông thôn sống ở những vùng hẻo lánh nhất trên trái đất. Việt Nam với mức độ liên thông, hòa nhập với nền kinh tế thế giới chưa cao nên ảnh hưởng trực tiếp từ khủng hoảng tài chính thế giới không rõ ràng nhưng về tổng thể nền kinh tế, sự thu hẹp của các thị trường xuất khẩu và biến động của giá cả thế giới: giá xăng dầu, giá hàng nông sản... đã khiến nhiều doanh nghiệp xuất nhập khẩu lao đao.

Ngoài những nguyên nhân khách quan từ nền kinh tế thế giới, với hệ quả của một thời kỳ tăng trưởng tín dụng nhanh, nóng, lạm phát tăng cao những tháng đầu năm đã buộc ngân hàng nhà nước phải thắt chặt cung tiền. Với những chính sách cứng rắn, các hoạt động kinh tế đang trên đà tăng trưởng nóng đột ngột ngưng trệ. Lãi suất cho vay thực tế được đẩy lên tới 24-25% năm, một mức lãi suất mà rất hiếm công ty nào có thể sử dụng để tiếp tục duy trì hay hoạt động có hiệu quả.

Hệ lụy của những chính sách này là một thời kỳ suy giảm kinh tế do sự co hẹp trong sản xuất của các doanh nghiệp và những cố gắng chỉ nhằm duy trì hoạt động của doanh nghiệp với mục đích chờ thời cơ mới. Ngoài ra, tình trạng các doanh nghiệp “nín thở” gây khó khăn và đình trệ sản xuất trong toàn bộ nền kinh tế. Tuy chưa có số liệu thống kê chính thức, nhưng theo các chuyên gia kinh tế, rất nhiều doanh nghiệp đang âm thầm phá sản.

Trong những tháng cuối năm 2008, trước nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu và tình trạng giảm phát tại Việt Nam, Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước đã đưa ra nhiều gói giải pháp kinh tế nhằm phục hồi nền kinh tế non trẻ. Lãi suất cơ bản, lãi suất cho vay, lãi suất tái chiết khấu dần dần được đưa về mức hợp lý, thêm vào đó gói kích cầu có thể lên đến 6 tỷ USD đang được nghiên cứu triển khai là những thông tin hỗ trợ tốt cho năm mới 2009 đối với nền kinh tế và thị trường chứng khoán.

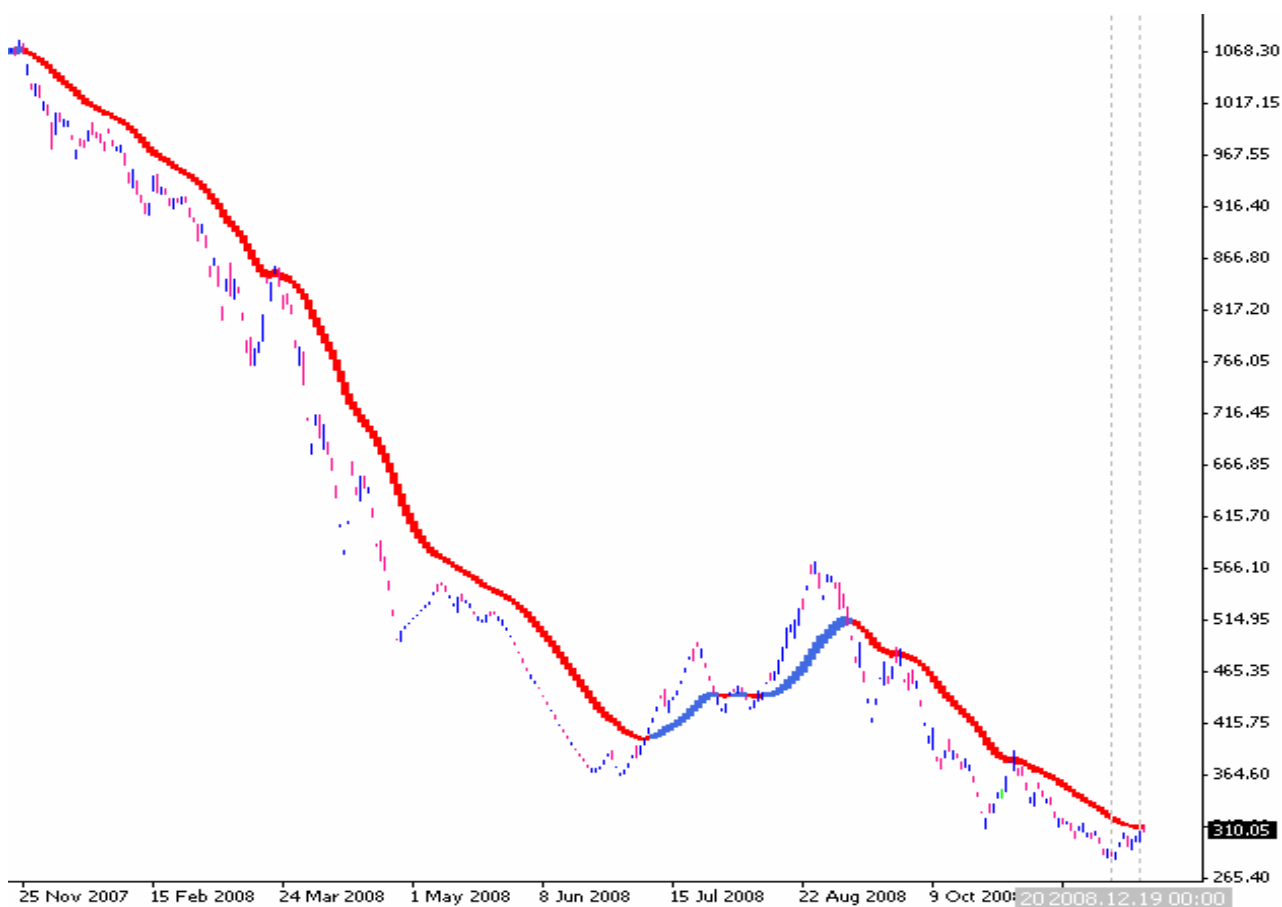
Trong báo cáo này, chúng tôi gửi đến quý độc giả bức tranh toàn cảnh về thị trường chứng khoán, về các lĩnh vực nóng bỏng của nền kinh tế trong năm 2008 và từ đó đưa ra nhận định về nền kinh tế trong năm tới. Thay mặt ban biên tập, Phòng phân tích – tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex, chúng tôi xin kính chúc quý nhà đầu tư một năm mới mạnh khỏe, an khang và thịnh vượng.

MỤC LỤC

HẠU BONG BÓNG, THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN MỘT NĂM VƯỢT CẠN	4
Nửa đầu năm 2008: Hệ quả của thời kỳ bong bóng	5
Giai đoạn tháng 7 và tháng 8 năm 2008	5
Giai đoạn từ tháng 9 đến cuối năm	5
Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài	6
Triển vọng thị trường chứng khoán năm 2009	7
VIỆT NAM, ĐIỂM ĐẾN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI	8
NGÂN HÀNG VIỆT NAM – MỘT NĂM VƯỢT KHÓ	9
Thất chặt cung tiền đột ngột, ngân hàng lao đao	10
Khủng hoảng tài chính thế giới, ngân hàng trong nước vạ lây	11
Hội nhập kinh tế, áp lực cạnh tranh ngày càng cao	11
THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN: BIẾN ĐỘNG VÀ TRẦM LẮNG	12
Cung cầu thị trường bất động sản	13
Dự báo thị trường bất động sản năm 2009	14
NGUYÊN LIỆU BẤT ỔN, NHÀ NHÀ LAO ĐAO	15
Chi phí đẩy	16
Lạm phát phi mã	18
Dự báo giá nguyên nhiên liệu năm 2009	19
NÔNG SẢN 2008: KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ THỜI KHỦNG HOẢNG	20
Tình hình xuất khẩu nông sản đến hết tháng 11/2008	21
Triển vọng thị trường nông sản năm 2009	22
THỊ TRƯỜNG BÁN LẺ: MIẾNG BÁNH NỘI TRƯỚC NGUY CƠ THU NHỎ	23
Tám mươi sáu triệu dân, thị trường bán lẻ - Mảnh đất màu mỡ	24
Miếng bánh nội trước nguy cơ thu nhỏ	26
Chuyên nghiệp hơn, đa dạng hơn – 2009 năm bản lề	26
PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2008	30

Những biến động của nền kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2008 đã ảnh hưởng trực tiếp tới thị trường chứng khoán. Chỉ số VN-Index đầu năm (ngày 2/1/2008) là 921.07 điểm và đóng cửa ở mức 315.62 điểm trong phiên giao dịch cuối cùng của năm ngày 31/12/2008. Ngày 10/12 đánh dấu ngày chỉ số VN-Index xuống mức thấp nhất trong năm: 286.85 điểm. Giao dịch cũng như tính thanh khoản của toàn thị trường suy giảm mạnh. Mức vốn hóa thị trường vào cuối năm chiếm khoảng 17.5% GDP 2008, trong khi đó năm 2007 con số này đạt 40%. Vốn huy động qua thị trường chứng khoán trong năm 2008 ước tính khoảng 25 nghìn tỷ đồng, thấp hơn rất nhiều so với năm 2007 là 127 tỷ đồng.

Biểu đồ 1: Diễn biến của VN-Index năm 2008



Sau thời kỳ tăng trưởng nóng năm 2006 – 2007, kinh tế Việt Nam đã bộc lộ một số khó khăn ngay trong những quý đầu năm 2008. Thị trường chứng khoán (TTCK) hàn thử nhiệt của nền kinh tế đã trải qua một giai đoạn đầy khó khăn. Cùng với một số bất hợp lý trong điều hành vĩ mô, các chỉ số cơ bản của TTCK trở về mức thấp nhất trong vòng 3 năm trở lại đây. Tuy nhiên, những tháo gỡ ban đầu và các gói giải pháp kinh tế đồng bộ đã dần đưa nền kinh tế và TTCK trở về ổn định.

Nửa đầu năm 2008 : Hệ quả của thời kỳ bong bóng

Thời gian này thực sự là thời kỳ đen tối của TTCK Việt Nam và hệ quả tất yếu của thời kì bong bóng chứng khoán những năm 2006 và 2007. Có thể nhận thấy, chính những nguyên nhân chủ chốt tạo nên bong bóng thời kỳ này lại vẫn là những nguyên nhân tạo nên sự xuống dốc của TTCK năm 2008.

Trong giai đoạn 2006-2007, tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam, thể hiện qua những con số ấn tượng ở nhiều cấp độ của nền kinh tế đã tạo nên sự tin tưởng và kỳ vọng quá mức vào khả năng tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp. Sức cầu quá lớn đã áp đảo hoàn toàn nguồn cung các cổ phiếu trên sàn niêm yết cũng như ở thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC). Chỉ số P/E trung bình của thời kỳ đỉnh cao năm 2007 đứng ở mức 33, cao hơn nhiều lần so với các TTCK phát triển khác.

Giai đoạn tháng 07 và 08 năm 2008

Kể từ tháng 7, lạm phát và nhập siêu, hai vấn đề nóng nhất đã được hạ nhiệt. Lạm phát liên tục giảm từ tháng 7 đến tháng 11, thấp hơn nhiều so với 6 tháng đầu năm, thấp hơn cả tốc độ tăng bình quân 1 tháng của cùng kỳ năm trước (0,79%), thấp hơn lãi suất tiết kiệm (tức là lãi suất đã thực dương). Nhập siêu từ tháng 6 đến tháng 11 chỉ còn ở mức dưới 1 tỷ USD.

Có được kết quả này là do Chính phủ đã chuyển đổi mục tiêu ưu tiên từ ưu tiên cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế sang ưu tiên cho mục tiêu kiềm chế lạm phát, trong đó biện pháp quan trọng hàng đầu là thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ. Chính vì tình hình kinh tế vĩ mô đã trở nên sáng sủa hơn trong giai đoạn này, thị trường chứng khoán đã nổi sóng mạnh mẽ với mức tăng ấn tượng của phần lớn các cổ phiếu trên cả hai sàn.

Giai đoạn từ tháng 9 đến cuối năm 2008

Ngay khi nền kinh tế VN có dấu hiệu ổn định, lạm phát và tỷ giá đã được kiềm chế thì khủng hoảng tín dụng và nhà đất Mỹ đã mở đầu cho suy thoái kinh tế toàn cầu. Suy thoái tràn lan tại nhiều quốc gia từ Mỹ, châu Âu đến các nước láng giềng tại châu Á. Kinh tế đi xuống dẫn tới nhu cầu tiêu thụ hàng hóa tại các thị trường xuất khẩu của nước ta bị giảm sút. Thực tại trên ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế Việt Nam vốn phụ thuộc khá nhiều vào nguồn thu từ xuất khẩu, chiếm tới hơn 70% GDP.

Thời điểm cuối năm cũng là lúc TTCK chứng kiến một loạt các cổ phiếu niêm yết mới trên cả hai sàn, với mục đích cải thiện tính thanh khoản và tăng khả năng gọi vốn. Một tỷ cổ phiếu đã chào sàn trong khoảng thời gian đầu quý 3 và trong tháng cuối năm 2008, cũng khoảng một tỷ nữa tiếp tục có mặt cộng thêm một khối lượng lớn cổ phiếu đấu giá và tăng vốn điều lệ thuộc khối ngân hàng thương mại. Tất cả các nguồn cung trên sẽ hút một lượng tiền lớn từ giới đầu tư. Thời điểm cuối năm cũng là lúc các nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) liên tục bán ròng, gây áp lực mạnh lên sức cầu cũng như tâm lý của nhà đầu tư (NĐT) trong nước.

Những lý do tiêu cực nêu trên đã khiến cho thị trường tiếp tục đi xuống kể từ thời điểm tháng 9 đến nay. Ngưỡng 366 mà đa số NĐT cho rằng đó là đáy của thị trường đã bị phá vỡ và mốc đáy mới 284 đã được hình thành. Nếu xét toàn bộ năm 2008 thì chúng ta thể chia 3 giai đoạn nêu trên tương ứng với 3 sóng A, B và C. Đây chính là các sóng điều chỉnh dài hạn của thời kỳ bong bóng 2006 và 2007.

Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài càng về cuối năm càng có dấu hiệu không tích cực. Nếu như những tháng đầu năm, khối lượng mua vào luôn áp đảo lượng bán ra, thì càng về cuối năm nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng đẩy mạnh bán chứng khoán, đặc biệt là trái phiếu. Tính đến tháng 12/2008, giá trị danh mục đầu tư của NĐTNN trên thị trường chứng khoán chỉ còn tương đương 4.6 tỷ USD, giảm gần một nửa so với thời điểm đầu năm. Đó là hệ quả của việc thị trường chứng khoán giảm gần 70%, các NĐTNN cơ cấu lại danh mục đầu tư và chuyển sang các lĩnh vực đầu tư khác. Mức độ rút vốn gắn liền với suy giảm của thị trường qua các tháng khác nhau (lúc tăng, lúc giảm) và so với tổng dự trữ ngoại tệ quốc tế quy mô đầu tư gián tiếp cũng không lớn do NĐT đã rút một phần và do giá thị trường giảm. Khả năng rút vốn cũng bị hạn chế vì vấn đề giá cả, tính thanh khoản, khả năng chuyển đổi USD. Ngoài ra, 2/3 danh mục do các quỹ đóng nắm giữ nên sức ép thanh lý sẽ thấp hơn quỹ mở.

Triển vọng của thị trường chứng khoán năm 2009

Triển vọng của TTCK năm 2009 sẽ phụ thuộc rất nhiều vào tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết trên sàn. Thời điểm cuối năm 2008 là thời điểm mà các căn bệnh của nền kinh tế đã bộc lộ, Chính phủ phải chuyển đổi mục tiêu ưu tiên, từ ưu tiên kiềm chế lạm phát, với giải pháp hàng đầu là thắt chặt tiền tệ, sang ưu tiên ngăn chặn sự suy giảm kinh tế, với gói 5 giải pháp cấp bách, trong đó kích cầu ngày càng trở thành giải pháp nổi bật. Không những vậy hàng hóa Việt Nam đang gặp phải sức cạnh tranh lớn ngay trên thị trường nội địa. Hậu quả của lạm phát hồi đầu năm, giá xăng dầu, giá than, giá điện ở mức cao đã khiến cho đầu vào của các doanh nghiệp Việt Nam cao hơn các nước trong khu vực. Chi phí tài chính cũng là một vấn đề khi lãi suất cho vay tại Việt Nam, mặc dù đã giảm đáng kể, nhưng vẫn đứng ở mức cao nếu so với các nước xung quanh. Như vậy khả năng tồn thương ở một số ngành nghề, doanh nghiệp là khá lớn.

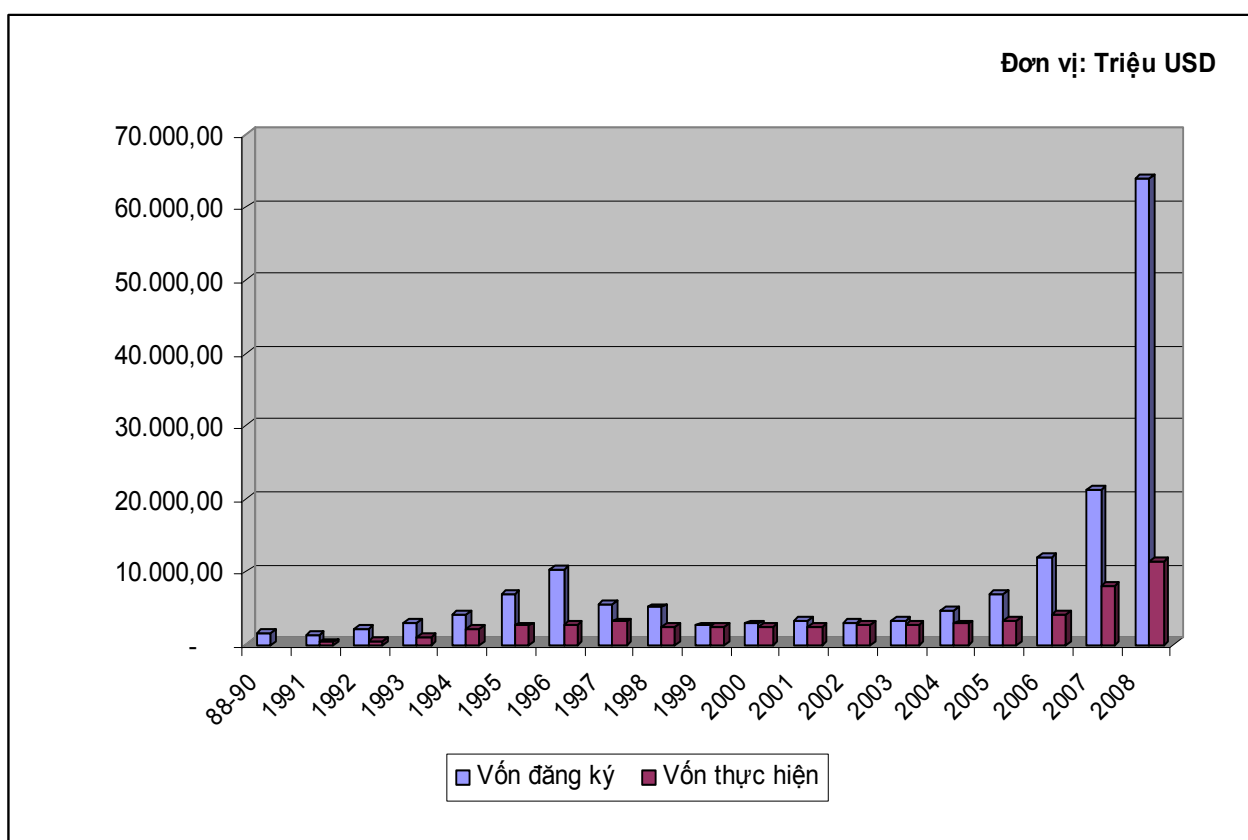
Áp lực tỷ giá lên VND hiện là rất lớn. Trong bối cảnh USD đang lên giá mạnh so với các đồng tiền khác trên thế giới. Chính sách điều hành tỷ giá hiện nay dựa trên tỷ giá danh nghĩa, cho nên VND đang đứng ở mức cao so với các đồng tiền khác trên thế giới. Điều này dẫn tới xuất khẩu giảm, nhập khẩu tăng và tác động không tốt tới cán cân thanh toán. Điều này cũng khiến lượng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam có xu hướng giảm và không loại trừ khả năng rút vốn từng bước, trong đó có thị trường chứng khoán. Như vậy để có thể xác định được đáy của thị trường thì chúng ta cũng cần một khoảng thời gian và điều đó có thể được xác định trong quý I năm 2009. Trong trường hợp xấu nhất, kinh tế thế giới hoặc trong nước tiếp tục có những biến động bất lợi, khả năng thị trường chứng khoán tiếp tục xu thế đi xuống dài hạn và khả năng chạm đến ngưỡng 235 để hoàn thành sóng C là điều có thể. Tuy nhiên, xác suất xảy ra điều này là rất thấp. Tuy nhiên, xét trên góc độ kỹ thuật, nhà đầu tư vẫn có lý do để hy vọng. Việc khi giá cổ phiếu liên tiếp tạo đáy, tự khắc cầu sẽ xuất hiện để đẩy giá cổ phiếu đi lên. Và để tránh được những bất tăng giá liên tục thời gian gần đây, NĐT cần có cái nhìn tỉnh táo để xem xét một tổ quan trong nhất thúc đẩy thị trường, đó chính là chỉ số thể hiện sự sáng sủa của nền kinh tế chứ không phải các yếu tố về tâm lý hay cung cầu

VIỆT NAM, ĐIỂM ĐẾN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Tính đến tháng 11 năm 2008, bao gồm cả vốn cấp mới và tăng thêm, cả nước đã thu hút được 62,5 tỷ USD vốn đầu tư đăng ký, vốn thực hiện đạt 10 tỷ USD. So với năm 2007 với tổng vốn đầu tư đăng ký là 21,3 tỷ USD, vốn thực hiện đạt 8,03 tỷ USD. Như vậy, lượng vốn FDI đăng ký gấp gần 3 lần so với năm 2007.

Khởi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (ĐTNN) thu hút thêm khoảng 17.000 lao động, đưa tổng số lao động trong khu vực có vốn ĐTNN tính đến thời điểm này (tháng 11/2008) là 1,452 triệu lao động, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, xét về tỉ lệ, có sự chênh lệch giữa lượng vốn đăng ký và lượng vốn được giải ngân qua các năm.

**Biểu đồ 2: Dòng vốn FDI vào Việt Nam
(1988-2008)**



Lý do chủ yếu xuất phát từ những khó khăn xung quanh việc giải phóng mặt bằng, bàn giao đất và việc các chủ đầu tư xem xét lại hiệu quả khi thực hiện các dự án khi mà các yếu tố vĩ mô trong năm nay có nhiều biến động không thuận lợi. Hơn nữa, trong năm nay vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tập trung khá lớn vào bất động sản và các dự án xây dựng lớn cùng với thị trường bất động sản trầm lắng cũng là một nguyên nhân dẫn tới tốc độ giải ngân chậm. Bên cạnh đó cũng cần đảm bảo vừa thu hút được luồng vốn FDI nhưng cũng phải vừa bảo đảm an ninh xã hội, vừa đảm bảo môi trường.

Tuy nhiên, thông qua lượng FDI đăng ký tăng mạnh, cũng đã thể hiện phần nào sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài tới thị trường Việt Nam, đồng thời cũng đặt ra cho Việt Nam những thách thức trong việc hấp thụ nguồn vốn rất lớn này.

Trong 11 tháng đầu năm 2008, vốn đăng ký mới tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp và xây dựng có 537 dự án với tổng vốn đăng ký 32,5 tỷ USD, chiếm 53,7% về số dự án và 55,7% về vốn đầu tư đăng ký; lĩnh vực dịch vụ có 480 dự án với tổng vốn đăng ký 26,2 tỷ USD, chiếm 42% về số dự án và 43,9% về vốn đầu tư đăng ký. Số còn lại thuộc lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp.

So với năm 2007, vốn đầu tư đăng ký (cấp mới và tăng vốn) tiếp tục tập trung trong lĩnh vực công nghiệp, chiếm 54,9% tổng vốn đầu tư đăng ký. Tiếp theo là lĩnh vực dịch vụ, chiếm 44,5%. Số còn lại thuộc lĩnh vực nông, lâm và ngư nghiệp.

Về tương đối, đầu tư vào công nghiệp vẫn là ngành nghề được chú trọng, với hơn 50% tổng giá trị vốn đăng ký. Còn xét về giá trị tuyệt đối, lượng vốn đầu tư vào công nghiệp, dịch vụ đã tăng lên rất mạnh mẽ, tương ứng với sự gia tăng của mức đăng ký hơn 60 tỷ USD năm 2008.

Trong 11 tháng đầu năm 2008 đã có 44 quốc gia và vùng lãnh thổ đăng ký đầu tư tại Việt Nam, trong đó có 11 quốc gia và vùng lãnh thổ đăng ký đầu tư vốn trên 1 tỷ USD. Malaysia đứng đầu với 49 dự án, vốn đăng ký 14,9 tỷ USD, chiếm 4,2% về số dự án và 25,5% về vốn đầu tư đăng ký. Đài Loan đứng thứ 2 có 127 dự án, vốn đầu tư 8,6 tỷ USD, chiếm 12,8% về số dự án và 14,8% về vốn đầu tư đăng ký. Nhật Bản đứng thứ 3 có 95 dự án, vốn đầu tư 7,2 tỷ USD, chiếm 9,4% về số dự án và 12,89% về vốn đầu tư đăng ký dự án. Brunei đứng thứ 4 có 16 dự án, vốn đầu tư 4,38 tỷ USD, chiếm 7,5% về vốn đầu tư đăng ký. Canada đứng thứ 5 có 8 dự án, vốn đầu tư 4,23 tỷ USD, chiếm 7,5% về vốn đầu tư đăng ký.

Như vậy có thể thấy, lượng FDI vào Việt Nam năm qua vẫn tăng, vẫn có những dấu hiệu tích cực, song với những khó khăn chung của nền kinh tế thế giới, sẽ khó khăn trong việc giải ngân cho các dự án trong hiện tại cũng như trong thời gian sắp tới.

NGÂN HÀNG VIỆT NAM NĂM 2008 – MỘT NĂM VƯỢT KHÓ

Trong những năm vừa qua, nền kinh tế Việt Nam đã có sự tăng trưởng cao và ổn định với tốc độ GDP bình quân giai đoạn 2002 – 2007 là 7,9%. Đặc biệt, trong năm 2007, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 8,5% mức cao nhất trong vòng 5 năm qua. Tuy nhiên, cùng với tốc độ tăng trưởng cao, năm 2008 những khó khăn trong nền kinh tế cũng bắt đầu lộ diện: lạm phát tăng cao, thâm hụt thương mại lớn, biến động tỷ giá lớn... Nhằm mục đích ổn định kinh tế vĩ mô, các chính sách thắt chặt tín dụng đã đẩy các ngân hàng thương mại vào tình thế khó khăn.

Thắt chặt cung tiền đột ngột, Ngân hàng lao đao

Để hạn chế cung tiền, ngày 17/3/2008, Ngân hàng nhà nước buộc các ngân hàng thương mại (NHTM) phải mua 20,300 tỷ đồng tín phiếu, tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc từ 10% lên 11 %, khống chế tốc độ tăng trưởng tín dụng của các NHTM ở mức tối đa là 30%, đồng thời hạn chế cho vay bất động sản và cho vay repo chứng khoán v.v.

Các chính sách hạn chế cung tiền là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tình trạng khan hiếm tiền mặt đã đẩy các Ngân hàng vào cuộc đua tăng lãi suất huy động nhằm tăng tính thanh khoản, lãi suất huy động đã có những lúc đạt đến 19,2% cho kỳ hạn 13. Bên cạnh đó lãi suất cơ bản của ngân hàng liên tục được điều chỉnh mà đỉnh điểm của nó là tăng từ 12% lên 14% vào tháng 6/2008. Với lãi suất cơ bản là 14% thì trần lãi suất cho vay của các NHTM là 21% trong khi lãi suất huy động của hầu hết các NHTM Cổ phần đều ở mức 18%-19%. Để bù lại chi phí huy động vốn cao và bảo lợi nhuận các Ngân hàng đã thu thêm trên mỗi hợp đồng vay một khoản phí như phí thu xếp tín dụng, phí thẩm định, phí tư vấn thậm chí là yêu cầu khách hàng ký quỹ trên số tiền được vay... làm lãi suất thực cho vay lên đến 24% - 25% gây khó khăn cho doanh nghiệp vay vốn. Trước tình hình trên tại Quyết định số 16/2008/QĐ-NHNN ngày 16/5/2008, ngân hàng Nhà nước (NHNN) yêu cầu các Tổ chức Tín dụng ngoài lãi suất ghi trên hợp đồng thì không được thu phí liên quan tới hoạt động cho vay. Tuy nhiên, với mức trần lãi suất là cho vay là 21%/năm vẫn là mức rất cao, cản trở doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn và ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Bên cạnh đó, do lãi suất cho vay cao cùng với khó khăn của nền kinh tế, dẫn đến khả năng trả nợ từ phía khách hàng bị giảm sút, nợ xấu đang gia tăng gây rủi ro cho các Ngân hàng. Tính đến tháng 11/2008, theo thông kê của NHNN thì trên toàn bộ hệ thống Ngân hàng thì nợ xấu là 35.000 tỷ, ước tính tỷ lệ nợ xấu có thể lên tới trên mức 2.92% nhưng sẽ không vượt mức 4% (mức an toàn cho phép là 5%).

Trước diễn biến khó lường trước được của nền kinh tế, các Ngân hàng có xu hướng dự trữ vốn để đảm bảo tính thanh khoản, tránh rủi ro dẫn đến tình trạng gia tăng chi phí cho các Ngân hàng do không giải ngân (các Ngân hàng vẫn phải trả lãi huy động cho khách hàng gửi tiết kiệm nhưng không cho vay ra được) làm ảnh hưởng nhiều tới kế hoạch lợi nhuận của các Ngân hàng.

Theo kế hoạch của các ngân hàng, lợi nhuận của năm 2008 sẽ cao hơn so với năm trước. NHTM cổ phần Á Châu ACB đặt mục tiêu đạt 2.800 tỷ đồng lợi nhuận trong năm 2008, tăng hơn 800 tỷ đồng so với năm 2007. Các ngân hàng khác như Sacombank, Eximbank cũng đặt kế hoạch tăng trưởng lợi nhuận gấp đôi năm ngoái. Với những khó khăn chung của thị trường thì khả năng đạt được mức lợi nhuận dự kiến theo kế hoạch của các ngân hàng là rất khó.

Khủng hoảng tài chính thế giới, Ngân hàng trong nước và lân

Bên cạnh những khó khăn nội tại của nền kinh tế Việt Nam, năm 2008 cũng là năm cơn bão khủng hoảng tài chính “bùng phát” mà tâm bão là nước Mỹ. Tuy cơn bão tài chính ảnh hưởng trực tiếp đến ngành Ngân hàng Việt Nam không phải là quá lớn nhưng tác động gián tiếp của nó tới ngành lại không nhỏ. Khủng hoảng tài chính ảnh hưởng trực tiếp tới thị trường xuất khẩu của Việt Nam (kim ngạch xuất khẩu chiếm tới 60% GDP của Việt Nam). Chính sự khó khăn trên đã đẩy doanh nghiệp vào tình trạng khó khăn dẫn đến nợ quá hạn tại các Ngân hàng.

Bên cạnh những khó khăn kể trên, sự sụp đổ của hàng loạt các Ngân hàng lớn tại Mỹ như: Lehman Brothers phá sản, Bear Stearns và Merrill Lynch bị thôn tóm hay việc Chính phủ Mỹ cũng đã phải tiếp quản hai tập đoàn tài chính nhà đất khổng lồ là cặp “sinh đôi” Fannie Mae và Freddie Mac, hãng bảo hiểm AIG, và ngân hàng Citigroup... buộc các ngân hàng Việt Nam phải suy xét và nhìn nhận lại cách làm ăn của mình cụ thể là sẽ thận trọng hơn với các khoản cho vay của mình; phải tìm cách giảm rủi ro trong quá trình cho vay; đề phòng và miễn dịch với các dự án đầu tư hay cho vay mà ở đó các khoản nợ xấu, khó đòi là cao; đồng thời sẽ tập trung vào các khoản mục sinh lợi tốt, khả năng hoàn vốn cao và có sự phát triển trong tương lai.

Hội nhập kinh tế, áp lực cạnh tranh ngày càng cao

Theo lộ trình ra nhập WTO thì các Ngân hàng nước ngoài đã được phép thành lập các Ngân hàng con 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam, một số Ngân hàng ngoại đã được NHNN cấp giấy phép thành lập ngân hàng con với 100% vốn cho Standard Chartered Bank, HSBC và Ngân hàng ANZ, việc thành lập ngân hàng con sẽ cho phép các Ngân hàng ngoại này mở rộng mạng lưới phân phối rộng hơn, tới các khách hàng hiện tại cũng như khách hàng mới. Với lợi thế của các Ngân hàng ngoại là có nhiều vốn, có tiềm lực tài chính và quản lý cho phép các Ngân hàng này mở rộng tầm ảnh hưởng và gia tăng tầm hoạt động của mình gây sức ép cạnh tranh rất lớn lên các Ngân hàng nội.

Nhưng sự cạnh tranh dù là giữa nội – ngoại hay nội – nội vẫn là cần thiết. Vì như thế các ngân hàng sẽ phải không ngừng cải thiện, không ngừng gia tăng chất lượng dịch vụ, luôn luôn sáng tạo để làm thỏa mãn những đòi hỏi của đất nước, của người dân và các doanh nghiệp.

Thời gian 02 năm gia nhập WTO, Các NHTM đã có sự chuyển mình mạnh mẽ để tận dụng tốt những cơ hội trong quá trình hội nhập như được sử dụng những công nghệ Ngân hàng mới như “core banking” (cho phép quản lý dữ liệu tập trung tại Hội sở chính, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh) hay về sản phẩm dịch vụ: các NHTM đã tập trung đổi mới, cho ra đời nhiều sản phẩm dịch vụ phù hợp với nhu cầu của khách hàng như tăng tiện ích của tài khoản cá nhân, phát triển dịch vụ thẻ, phát triển các dịch vụ ngân hàng hiện đại như “phone banking”, “internet banking”... đồng thời khai thác tối đa lợi thế cạnh tranh “trên sân nhà”, đó là có mạng lưới rộng lớn, có khách hàng truyền thống và hiểu biết về khách hàng cũng như các điều kiện kinh doanh tại Việt Nam, kinh nghiệm nghiệp vụ tích lũy trong nhiều năm qua. Do vậy, các NHTM trong nước vẫn chiếm vai trò chủ đạo trong việc cung cấp các dịch vụ truyền thống là huy động vốn và cho vay. Hiện nay, thị phần huy động vốn của các NHTM trong nước trong năm 2008 vẫn chiếm tỷ trọng lớn khoảng 90%.

Tình trạng lạm phát của Việt Nam đang dần được khống chế thể hiện qua chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 10 và tháng 11 liên tục giảm thậm chí đang có xu hướng thành giảm phát. Trước tình hình trên, NHNN đã nới lỏng chính sách tiền tệ, giảm lãi suất cơ bản xuống còn 8,5% bắt đầu áp dụng từ ngày 22/12/2008, với động thái này các doanh nghiệp sẽ dễ dàng tiếp cận với vốn vay ngân hàng.

Theo dự đoán đến năm 2009 thì lãi suất tín dụng thấp hơn và sẽ còn được tiếp tục giảm xuống, điều kiện tiếp cận tín dụng cũng dễ hơn do thanh khoản của hệ thống ngân hàng tốt hơn và có hai cơ chế mới được ban hành: cơ chế bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ và cơ chế lãi suất tín dụng thỏa thuận đối với những dự án sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Hai cơ chế này giúp cho nhiều đối tượng được tiếp cận với nguồn tín dụng để phát triển sản xuất, mở rộng kinh doanh. Nhưng bên cạnh đó, các khoản vay sẽ được giám sát kỹ hơn do di chứng và bài học từ khủng hoảng Mỹ để lại.

Qua cơn bão tài chính Mỹ vừa qua và các chính sách thắt chặt tiền tệ của chính phủ và ngân hàng trung ương làm các ngân hàng nhỏ điều đứng và sang năm 2009 này các ngân hàng nhỏ, lẻ, yếu kém sẽ bị sáp nhập. Sự sáp nhập này sẽ củng cố hệ thống ngân hàng trong nước, tăng hiệu quả quản lý vĩ mô của chính phủ qua các ngân hàng và tạo sức mạnh mới cho các ngân hàng sáp nhập, mở rộng về quy mô và tầm hoạt động.

Các dịch vụ ngân hàng sẽ được củng cố, các ngân hàng sẽ chú trọng đến mảng bán lẻ hơn. Trong số đó, các dịch vụ cho vay chứng khoán, mua vàng, hay mua bất động sản sẽ được chú trọng và phát triển nhiều hơn. Bên cạnh đó sẽ có các dịch vụ chăm sóc khách hàng cá nhân tốt hơn. Mảng bán lẻ này sang năm 2009 sẽ là mảng đấu tranh quyết liệt nhất giữa các ngân hàng thương mại với nhau. Sẽ có hàng loạt các dịch vụ mới được tung ra khi các mảng đầu tư lớn đang ẩn chứa nhiều rủi ro cao.

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN: BIẾN ĐỘNG VÀ TRẦM LẮNG

Không chỉ ở Việt Nam mà ở rất nhiều nước khác, thị trường bất động sản luôn là một “hàn thử biểu” của nền kinh tế. Năm 2008 là một năm nhiều biến động của nền kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng được đánh dấu bằng cuộc khủng hoảng tài chính hiện đang có nhiều tác động đến nền kinh tế của các quốc gia. Việt Nam cũng không tránh khỏi những tác động này. Thị trường tài chính khủng hoảng, thị trường chứng khoán tụt dốc kéo theo đó là sự tụt dốc của thị trường bất động sản.

Bảng 1: Giá bất động sản giảm đến 2/3 trong 6 tháng cuối năm 2008

STT	Khu đô thị	Tháng 6/2008	Tháng 12/2008
1	Him Lam – Kênh Tẻ	90 tr đồng/m ²	23 tr/m ²
2	Thái Sơn – Nhà Bè	23 tr/m ²	8 tr/m ²
3	The Vista	\$1600/m ²	\$100/m ²
4	Green Building	1.400 - 1.450USD/m ²	200USD/m ²

Trái với năm 2007 thị trường bất động sản năm 2008 trải qua một năm đóng băng kéo dài do những hệ lụy của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới và các biện pháp vĩ mô của Chính phủ để kiềm chế lạm phát trong nửa đầu năm 2008. Lạm phát được kiềm chế nhưng chính sách thắt chặt tín dụng của Ngân hàng nhà nước lại trở nên mạnh tay khiến cho thị trường bất động sản tụt dốc và đóng băng kéo dài. Cho đến đầu tháng 12, thị trường bất động sản Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh vẫn trong không khí ảm đạm mặc dù tháng 4/2008 Hà Tây đã chính thức sát nhập với Hà Nội nhưng giá đất ở đây không sốt như mong đợi trước khi Hà Tây sát nhập với Hà Nội. Cũng như thị trường chứng khoán, sự ảm đạm của thị trường bất động sản được thể hiện rõ hơn cả tại các sàn giao dịch bất động sản, khi mà các giao dịch trong 2 tháng gần đây gần như “chết lạng”.

Sự trầm lắng của thị trường bất động sản được giải thích bởi 2 nguyên nhân cơ bản

- Thứ nhất: Ảnh hưởng của thị trường bất động sản thế giới. Giá nhà ở Mỹ và Châu Âu sụt giảm mạnh mẽ,
- Thứ hai: Để kiềm chế lạm phát, Chính phủ đã thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ một cách mạnh tay thông qua Ngân hàng nhà nước buộc các NHTM phải mua 20.300 tỷ VND tín phiếu NHNH, tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc từ 10% lên 11 %, tốc độ tăng trưởng tín dụng của các Ngân hàng thương mại bị khống chế ở mức tối đa là 30%. Hạn chế cho vay bất động sản và cho vay repo chứng khoán.....Vào tháng 6/2006, trần lãi suất cơ bản lên tới 14%, trần lãi suất cho vay lên tới 21% trong khi lãi suất huy động là 18-19%. Để có thể có lãi, ngoài khoản lãi chính-~~thực~~ trên các ngân hàng còn thu thêm một số khoản phí liên quan như phí thẩm định, phí thu xếp tín dụng....khiến cho lãi suất thực khách hàng phải trả lên đến 23-24%.

Cung cầu trên thị trường bất động sản

Nhu cầu nhà ở: Theo “Chiến lược phát triển đô thị VN”, diện tích đất đô thị sẽ tăng từ 105.000ha hiện nay lên 460.000ha vào năm 2020, đưa tỷ lệ đô thị hoá từ 28% lên khoảng 45% vào năm 2025. Dân số đô thị từ 23 triệu người dự kiến sẽ tăng lên 46 triệu người vào năm 2025, kéo theo sự gia tăng về nhu cầu nhà ở đô thị. Trung bình mỗi năm VN cần phát triển thêm 35 triệu m² nhà để phấn đấu đạt 20m² nhà ở/người tại đô thị vào năm 2020. Ngoài ra, các chính sách cởi mở của Nhà nước như người dân được mua nhà ở tại các đô thị mà không cần hộ khẩu, dự kiến mở rộng đối tượng Việt kiều được mua nhà và cho phép thực hiện thí điểm người nước ngoài được mua nhà ở tại VN... cũng làm tăng nhu cầu về nhà ở tại các đô thị lớn.

Hiện cả nước đang triển khai trên 1.500 dự án nhà ở và khu đô thị mới; hàng năm xây dựng trên 37 triệu m² nhà ở đô thị. Nhiều khu đô thị mới có cơ sở hạ tầng hiện đại, môi trường sống văn minh đã hình thành như dự án Phú Mỹ Hưng, Ciputra... Nhiều tổng công ty lớn đủ sức thi công các công trình mang tầm cỡ thế giới, nhiều doanh nghiệp đầu tư xây dựng các công trình cao tầng hiện đại lên đến 30, 40 và trên 60 tầng...

Trung bình mỗi năm VN cần phát triển thêm 35 triệu m² nhà để phấn đấu đạt 20m² nhà ở/người tại đô thị vào năm 2020. Ngoài ra, các chính sách cởi mở của Nhà nước như người dân được mua nhà ở tại các đô thị mà không cần hộ khẩu, dự kiến mở rộng đối tượng Việt kiều được mua nhà và cho phép thực hiện thí điểm người nước ngoài được mua nhà ở tại VN... cũng làm tăng nhu cầu về nhà ở tại các đô thị lớn.

Nhu cầu về văn phòng, khách sạn cho thuê: với làn sóng đầu tư tăng nhanh sau khi VN gia nhập WTO, nhu cầu về văn phòng, khách sạn và công trình thương mại cũng đang tăng nhanh, nhất là nhu cầu về văn phòng loại A, B, khách sạn 3 – 5 sao tại các đô thị lớn. Nhu cầu về phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung, khu công nghệ cao... cũng sẽ làm cho thị trường BĐS ở VN thêm sôi động. Theo quy hoạch, từ nay đến năm 2015, cả nước dự kiến thành lập mới trên 100 khu công nghiệp với diện tích đất khoảng 26.000ha

Nhu cầu về phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung, khu công nghệ cao... cũng sẽ làm cho thị trường BĐS ở VN thêm sôi động.

Nhu cầu về bất động sản còn rất lớn trong khi đó nguồn cung trong 2 năm qua tuy nhiều nhưng thực tế vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Năm 2007, riêng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký đầu tư vào lĩnh vực BĐS đạt trên 8,5 tỷ USD, chiếm trên 42% tổng vốn đăng ký (20,3 tỷ USD).

Và chỉ trong 3 tháng đầu năm 2008, vốn FDI đăng ký đầu tư vào BĐS đã đạt khoảng 5 tỷ USD. Thu chi ngân sách từ thị trường BĐS chiếm tỷ trọng lớn, có địa phương chiếm đến trên 50% tổng thu ngân sách. Trên 1.500 dự án nhà ở và khu đô thị mới; hàng năm xây dựng trên 37 triệu m² nhà ở đô thị. Nhiều khu đô thị mới có cơ sở hạ tầng hiện đại, môi trường sống văn minh đã hình thành như dự án Phú Mỹ Hưng, Ciputra... Nhiều tổng công ty lớn đủ sức thi công các công trình mang tầm cỡ thế giới, nhiều doanh nghiệp đầu tư xây dựng các công trình cao tầng hiện đại lên đến 30, 40 và trên 60 tầng...Tuy nhiên, theo “Chiến lược phát triển đô thị VN”, diện tích đất đô thị sẽ tăng từ 105.000ha hiện nay lên 460.000ha vào năm 2020, đưa tỷ lệ đô thị hoá từ 28% lên khoảng 45% vào năm 2025. Dân số đô thị từ 23 triệu người dự kiến sẽ tăng lên 46 triệu người vào năm 2025, kéo theo sự gia tăng về nhu cầu nhà ở đô thị.

Nhận định: Thị trường bất động sản vẫn đang ở thế giằng co giá bán trên thị trường vẫn trong xu hướng giảm nhưng mức giảm không nhiều. Theo một số công ty môi giới địa ốc, hiện nay khi giá BĐS trên thị trường đã giảm khoảng một nửa so với mức giá chào bán trong thời điểm “sốt” thì trên thị trường liên tục xuất hiện những thông tin cần mua với giá khá cao, thậm chí còn cao hơn mức giá ký gửi khoảng vài trăm ngàn, thậm chí vài triệu đồng/m². Tuy nhiên, nhiều chuyên gia BĐS cảnh báo đây chỉ là thông tin của giới đầu cơ nhằm tạo nhu cầu “ảo”, đánh lừa người dân.

Dự báo thị trường bất động sản năm 2009

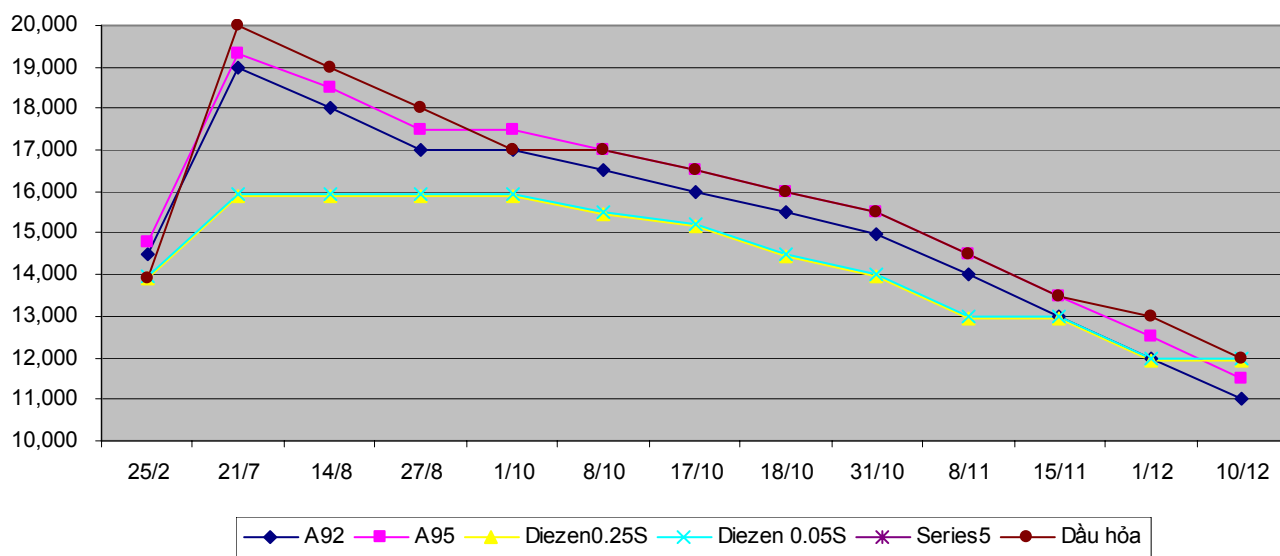
Những ngày cuối năm 2008, xuất hiện những dấu hiệu tích cực từ chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước như cắt giảm lãi suất, cho vay bất động sản trở lạiđồng thời giá nguyên vật liệu xây dựng cũng giảm mạnh. Chính vì vậy đây được coi là thời điểm hợp lý để các dự án bất động sản tranh thủ khởi công để 1 -2 năm nữa có hàng bán. Đã có một số cái nhìn tích cực được đưa ra rằng thị trường bất động sản sẽ phục hồi và sôi động trở lại vì tiến trình đô thị hóa tại Việt Nam mới đang ở những giai đoạn đầu phát triển, hiện tại vốn của các ngân hàng đang dồi dào và đang xúc tiến để cho vay bất động sản do nhu cầu mua căn hộ vẫn rất cao.

NGUYÊN NHIỆU BẤT ỔN, NHÀ NHÀ LAO ĐÀO

Xăng dầu và than là một trong những mặt hàng thiết yếu của toàn nền kinh tế, là nguyên liệu cơ bản đầu vào của hầu hết các ngành sản xuất, đặc biệt là các ngành sản xuất cơ bản như phân đạm, giấy, điện, vận tải, xi măng, thép, dệt may v.v. Do tính thiết yếu của những mặt hàng này nên việc tăng giá hay giảm giá sẽ có tác động sâu rộng đến toàn bộ nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người dân.

Trong năm 2008, giá xăng dầu gây nhiều biến động bất lợi cho nền kinh tế, việc tăng giá của mặt hàng này trong giai đoạn giữa năm đã tác động mạnh đến toàn bộ giá cả các loại hàng hóa do ảnh hưởng trực tiếp từ việc tăng chi phí sản xuất đầu vào của các doanh nghiệp. Thêm vào đó, lạm phát là một trong những vấn đề mà nước ta đang đối mặt và việc xăng dầu tăng giá trong giai đoạn giữa năm tác động rất lớn đến chính sách và chỉ số giá tiêu dùng nước ta.

Biểu đồ 4: Giá xăng dầu trong năm 2008



Chi phí đẩy.

Hàng loạt các ngành nghề đã chịu tác động lớn từ việc tăng giá xăng, dầu do ảnh hưởng từ việc giá thành sản xuất và chi phí vận chuyển tăng. Các doanh nghiệp trong ngành vận tải chịu tác động trực tiếp và mạnh nhất.. Rất nhiều các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực taxi hay vận tải hành khách, hàng hóa đã chịu ảnh hưởng khá nặng nề từ việc giá xăng dầu tăng do bản chất của các doanh nghiệp này là sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào chính là xăng, dầu. Trong đó chi phí chiếm đến trên 45% giá cước vận chuyển trong vận tải thủy và trên 50% đối với vận tải đường bộ. Chỉ cần giá xăng dầu tăng 10% sẽ khiến chi phí vận chuyển tăng lên 5%. Trong khi việc tăng giá của cước lại rất khó khăn vì còn nằm trong quy định của nhà nước. Điển hình là giá cước vận tải đã tăng khoảng 15-20% ngay sau khi giá xăng dầu tăng vào ngày 25/02/2008, giá cước taxi Hà nội đồng loạt tăng giá vào ngày 04/03/2008. Lần tăng giá thứ 2 vào ngày 21/7/08 khiến nhiều doanh nghiệp lao đao do mức tăng quá cao và hậu quả đến ngày 1/8/2008 các doanh nghiệp vận tải ô tô phía Bắc đồng loạt điều chỉnh tăng giá cước trên các tuyến với mức tăng dao động trong khoảng 8-10%.

Các doanh nghiệp ngành thép, xi măng và giấy cũng chịu sức ép khá lớn khi giá xăng dầu tăng. Để sản xuất ra được 1 tấn thép thì cần phải phải tốn 40 kg dầu để nung và đối với xi măng thì chi phí dầu chiếm đến 50 – 70% nhiên liệu sản xuất. Ngoài ra, chi phí xăng dầu cũng chiếm 1 - 2% giá thành sản xuất giấy. Như vậy giá thành của các sản phẩm này sẽ tăng rất mạnh nếu giá xăng dầu tăng, chưa kể đến phí vận chuyển đối với mặt hàng này là khá lớn. Diễn biến giá thép và xi măng trong nửa năm vừa rồi có thể chứng minh rõ sự ảnh hưởng của giá dầu. Trong tháng 7/2008, giá phôi thép trên thế giới tăng mạnh, có lúc đạt đỉnh điểm đến 1.200USD/ tấn, kéo theo giá bán thép trong nước tăng theo. Hiện tượng phôi thép xuất khẩu tràn lan ra nước ngoài của các doanh nghiệp để trục lợi đã khiến thị trường thép trong nước thiếu hụt trầm trọng sau này, bất chấp nhà nước đã tăng thuế xuất khẩu từ 0 – 5% rồi 10 – 20% đối với mặt hàng này. Xi măng tăng giá mạnh nhất vào cuối năm 2007, đầu năm 2008 và trong khoảng tháng 4 – 5/2008. Lý do chính cho việc tăng giá này là do hầu hết giá than, xăng, dầu đều tăng khiến chi phí sản xuất tăng cao. Trong giai đoạn này, hàng loạt các công ty sản xuất xi măng đều tăng giá như Hà Tiên 1, Chinfon v.v.

Các doanh nghiệp trong ngành dệt may bị chịu tác động khá lớn từ việc giá xăng dầu tăng. Hiện tại, ngành dệt sử dụng khoảng 50% sợi PE (sợi tổng hợp có nguồn gốc từ dầu mỏ). Khi giá dầu tăng, sợi PE cũng tăng theo khiến các doanh nghiệp sản xuất sợi phải nghiêng sang sản xuất sợi có nguồn gốc từ tự nhiên (bông vải) và làm cho loại sợi này tăng giá vì khan hiếm. Hiện có đến 90% bông vải và 100% sợi bông vải đang sử dụng tại Việt Nam được nhập từ nước ngoài. Trong khi đó giá sợi bông và bông nhập đang ở mức rất cao.

Một vài các doanh nghiệp trong ngành cao su và ngành nhựa cũng chịu ảnh hưởng lớn từ việc tăng giá của mặt hàng này. Lượng dầu sử dụng trong sản xuất hiện chiếm khoảng 5% giá thành sản phẩm đối với ngành cao su và nguyên liệu chính sử dụng trong ngành nhựa là có nguồn gốc từ dầu mỏ. Giai đoạn giữa năm 2008, nhiều doanh nghiệp kinh doanh trong ngành nhựa gặp nhiều khó khăn do giá dầu tăng. Công ty Nhựa và hóa chất TPC Vina phải tăng giá bán nhựa PVC thêm 500 đồng/kg, lên 14.200 đồng/kg do nguồn nguyên liệu sản xuất PVC tăng giá 30-40 USD/tấn. Công ty nhựa Sài Gòn cho biết đã giảm 20% công suất, chỉ duy trì các mặt hàng chiến lược và thực hiện các hợp đồng đã ký. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành cao su cũng hoạt động cầm chừng do nguồn nguyên liệu chính của doanh nghiệp này là mủ cao su, nhưng khi cao su tổng hợp tăng mạnh, giá mủ cao su thiên nhiên cũng tăng theo.

Ngoài ra, giá lương thực, thực phẩm cũng bị tác động bởi giá xăng dầu. Hầu hết các mặt hàng thiết yếu như gạo, thịt, cá đều tăng cao và tác động trực tiếp đến bữa ăn hàng ngày của người dân. Trong nửa năm đầu, giá lương thực bị đội lên do giá xăng tăng và mức tăng trung bình khoảng 3%/ tháng. Nếu so với mốc tháng 12/2007 thì sau nửa năm giá lương thực đã tăng 59,44% và giá thực phẩm đã tăng 21,83% (nguồn: Tổng cục thống kê).

Lương thực thực phẩm bị tác động cả trực tiếp và gián tiếp. Trực tiếp thì chủ yếu là chi phí vận chuyển còn gián tiếp là các chi phí về phân bón. Giá phân đạm tăng suốt trong khoảng thời gian đầu năm do bị tác động trực tiếp từ các chi phí đầu vào đều tăng cao như giá xăng và giá than. Nửa cuối năm 2008, mức tăng của mặt hàng này đã giảm và thậm chí trong tháng 10, 11 mặt hàng lương thực có mức tăng trưởng âm. Điều này đã có những tác động tốt đến thị trường. Tuy nhiên, nếu nhìn lại tổng thể thì mức tăng giá từ đầu năm đến hết tháng 11/2008 đã đạt 46,71% đối với lương thực và tăng 25,57 % đối với thực phẩm.

Lạm phát phi mã

Nước ta đang đối mặt với vấn đề khủng hoảng tài chính toàn cầu và tình hình lạm phát phi mã. Chính phủ đang nỗ lực đưa ra các giải pháp về kinh tế vĩ mô nhằm kiềm chế lạm phát và vượt qua khủng hoảng tài chính. Tuy nhiên, giá dầu tăng giảm trên đã tác động không nhỏ đến các chính sách kinh tế nước ta và tác động mạnh đến lạm phát hay chỉ số giá tiêu dùng (CPI). Hiện nay, giá xăng dầu hiện góp mặt vào CPI cả trực tiếp và gián tiếp. Gián tiếp là thông qua chi phí sản xuất và trực tiếp là góp mặt vào "rổ" hàng hóa khi tính CPI. Hiện trong rổ hàng hóa, giá xăng dầu chiếm 2,58%. Đợt tăng giá xăng vào cuối tháng 2/2008, cũng đã góp phần làm tăng chỉ số CPI trong các tháng 3,4 và đặc biệt là tháng 5/2008 với mức tăng đỉnh điểm lên 3,91% khiến chỉ số CPI cả 5 tháng đầu năm đã đạt gần 16%.

Đợt tăng giá thứ 2 trong năm vào ngày 21/7/2008, cũng là đợt có mức tăng giá xăng dầu cao nhất. Bên cạnh 8 nhóm giải pháp của chính phủ nhằm kiềm chế lạm phát đã có những tác dụng đáng kể thì lần tăng này vẫn có những tác động nhất định. Do quyền số của nhóm nhiên liệu (xăng dầu) chiếm 3,08% trong “rổ hàng hóa” tính CPI nên tác động tăng giá trực tiếp đến chỉ số CPI là 0,9% và mặt bằng giá chung đã đội lên thêm 1,5 lần từ tổng kết những lần điều chỉnh giá xăng dầu lần trước, cục trưởng Cục quản lý giá Nguyễn Tiến Thỏa đã khẳng định.

Sau đợt tăng giá đỉnh điểm vào ngày 21/07/2008, giá xăng dầu trong nước bắt đầu giảm từ ngày 14/8/2008 và đã giảm tiếp tục duy trì cho đến cuối năm. Nguyên nhân của việc giảm giá này là tác động từ giá xăng dầu trên thế giới giảm mạnh từ 147 USD/ thùng xuống còn xấp xỉ 40 USD một thùng do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu. Việc giảm giá này đã giúp giảm áp lực chi phí đầu vào của các doanh nghiệp, giảm giá thành các sản phẩm đầu ra và kết quả rõ rệt nhất là chỉ số giá tiêu dùng đã giảm dần qua các tháng cuối năm, áp lực lên lạm phát giảm hẳn. Tuy nhiên, cuối năm, vào ngày 12/11/2008 kiến nghị tăng giá bán than của tập đoàn than khoáng sản Việt Nam (TKV) đã được Bộ Tài chính chấp thuận. Điều này chắc chắn sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến giá cả trong năm 2009.

Dự báo giá nguyên nhiên liệu năm 2009

Giá than trong nước sẽ tăng trong năm 2009 sau khi Bộ Tài chính có công văn số 13564/BTC-QLG chấp thuận phương án đăng ký giá của Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Theo tài liệu này thì giá than đã được phép tăng theo 2 giai đoạn; giai đoạn thứ nhất là vào cuối năm 2008 (giá bán phải đạt 81% so với giá thành) và giai đoạn 2 là tăng giá vào quý II/2009 (bán than theo giá thị trường). Cũng theo tài liệu này thì than tăng giá bán mạnh nhất với các ngành nghề sản xuất xi măng, giấy và phân bón, riêng ngành điện lực thì có mức tăng thấp nhất. Như vậy đến quý II/2009, giá than sẽ tác động trực tiếp đến giá thành sản xuất của các mặt hàng như xi măng, giấy và đặc biệt là phân bón. Ngoài ra, sẽ tác động gián tiếp rất mạnh đến nền kinh tế, chi phí đời sống của nhân dân cũng sẽ tăng rất cao khi các mặt hàng cơ bản tăng.

Theo dự báo của các chuyên gia phân tích của Bloomberg, giá dầu thô trung bình năm 2009 sẽ tăng lên khoảng 60 USD/thùng. Như vậy, giá dầu trên thế giới được dự báo tăng khoảng 50% so với khoảng giá hiện tại đang giao dịch (khoảng 40 USD/thùng). Tuy nhiên, sang năm 2009, nước ta sẽ bắt đầu sản xuất xăng dầu và nếu theo đúng tiến độ thì ngày 25/02/2009 nhà máy lọc dầu Dung Quất sẽ cho ra những sản phẩm đầu tiên. Như vậy, dự báo giá xăng dầu trong nước trong năm tới sẽ có ít biến động hơn do chúng ta đã tự chủ được 1 phần đầu vào của nguồn nhiên liệu này và đặc biệt hạn chế được các tác động tăng giá xăng dầu từ thế giới.

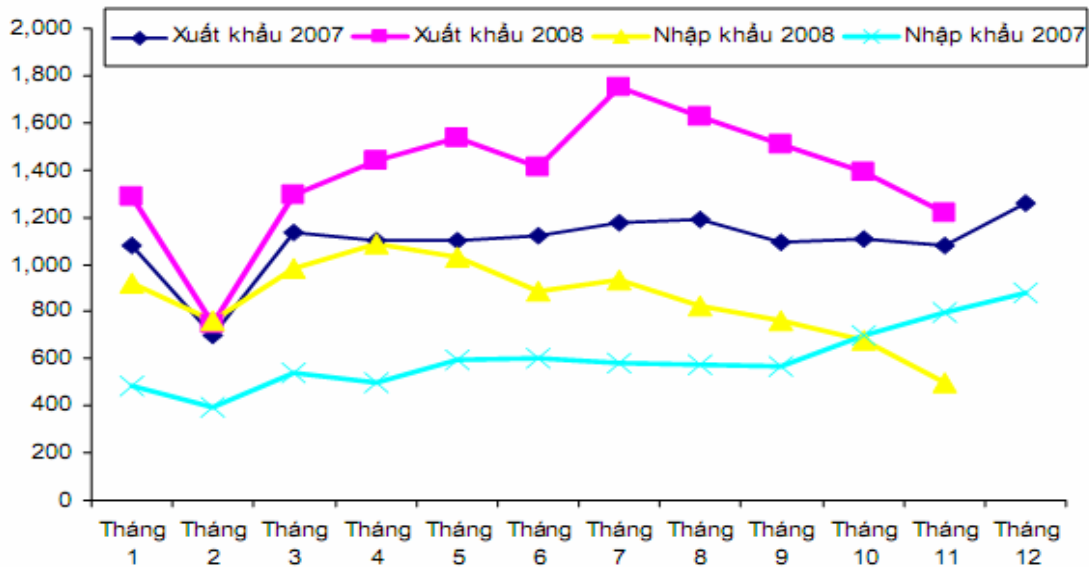
Thị trường nông sản năm 2008 chứng kiến những biến động chưa từng xảy ra. Có thể nói, kể từ khi đổi mới và hội nhập chưa năm nào thị trường biến động lại khó lường như năm nay. Đứng trước những khó khăn chung của nền kinh tế toàn cầu, tốc độ lạm phát trong nước cao kỷ lục, sự bất ổn trong tỉ giá hối đoái, chi phí sản xuất bị đẩy cao nhưng thương mại nông sản 6 tháng đầu năm vẫn đạt được những thành tích ấn tượng. Nửa đầu năm 2008, Việt Nam đã thu về 7,65 tỷ USD từ xuất khẩu nông, lâm, thủy sản, tăng 24,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, xuất khẩu nông sản chiếm tỉ lệ cao nhất trên 4,2 tỷ USD, tăng 31%, xuất khẩu lâm sản đạt trên 1,5 tỷ USD, tăng 21% và thủy sản 1,9 tỷ USD, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2007. Những ngành hàng vốn là thế mạnh của thương mại nông sản Việt Nam như Gạo, Cà phê, Điều, Tiêu, Thủy sản, Gỗ & sản phẩm gỗ tiếp tục phát huy vai trò trong xuất khẩu nông lâm thủy sản Việt Nam

Tuy nhiên, tình hình thị trường về cuối năm đã diễn biến theo hướng không có lợi, do bị tác động bởi cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Giá của hầu hết các loại nông sản xuất khẩu đều giảm mạnh so với thời điểm đầu năm. Thị trường nông sản phụ thuộc vào nhiều các yếu tố căn bản của cung cầu như sản xuất, dự trữ, tiêu dùng và các yếu tố nhạy cảm khác như tỷ giá, chính sách, giá dầu, diễn biến thời tiết... Cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay ảnh hưởng đến suy giảm giá khác nhau tùy từng ngành hàng. Suy thoái kinh tế và khủng hoảng tài chính làm cho các quỹ đầu cơ rút tiền khỏi các hoạt động đầu tư dẫn đến **giảm cầu tức thời** trên các thị trường kỳ hạn, làm cho giá giảm đột ngột. Đây chính là nguyên nhân chính tác động đến sự giảm sút tức thời của thị trường hàng nông sản thế giới. Ngoài ra, đồng USD tăng giá mạnh so với đồng Euro cũng gây sức ép lên giá nông sản thế giới. Những hiện tượng này trước đây chưa từng xảy ra, đó là biến động của thị trường tài chính lan sang thị trường nông sản với tốc độ nhanh và phạm vi sâu rộng.

Sự suy giảm của thị trường thế giới đã phần nào ảnh hưởng tới tình hình xuất nhập khẩu nông sản của Việt Nam. Mặc dù vậy, nhìn chung cả năm 2008, xuất khẩu nông sản vẫn đạt được những thành công đáng kể. Tổng kim ngạch xuất khẩu 11 tháng đầu năm ước đạt 14,85 tỷ USD, tăng hơn 24 % so với cùng kỳ năm 2007. Trong đó, các mặt hàng nông sản đạt 7,8 tỉ USD, tăng 37,9 %; thủy sản lần đầu tiên vượt qua ngưỡng 4 tỷ USD đạt 4,27 tỉ USD, tăng 24,8 %; lâm sản đạt 2,77 tỉ USD, tăng 18 %. Tính đến tháng 11/2008 xu hướng đi xuống của kim ngạch xuất nhập khẩu đã thể hiện rõ nét hơn do yếu tố giảm giá và khối lượng các mặt hàng cũng giảm đi.

Sản lượng xuất khẩu giảm song kim ngạch tăng mạnh là xu hướng chung của hầu hết các mặt hàng nông sản xuất khẩu chính của Việt Nam như cà phê, cao su, gạo, tiêu, chè.

Biểu đồ 5: Tình hình xuất nhập khẩu nông sản (triệu USD)



(Nguồn: Trung tâm thông tin phát triển nông nghiệp nông thôn)

Tình hình xuất khẩu nông sản tính đến tháng 11/2008

Gạo

Tổng lượng gạo xuất khẩu 11 tháng đầu năm ước đạt gần 4,3 triệu tấn, kim ngạch đạt 2,7 tỉ USD, so cùng kì năm trước giảm gần 4 % về lượng nhưng lại tăng hơn 88 % về giá trị.

Cà phê

Tổng lượng cà phê xuất khẩu 11 tháng năm 2008 đạt 863 ngàn tấn với giá trị kim ngạch xấp xỉ 1,78 tỷ USD, giảm 20,5 % về lượng nhưng tăng 7,2% về kim ngạch. Giá cà phê xuất khẩu tiếp tục giảm mạnh. Giá xuất khẩu bình quân tháng 11 đang ở mức 1.700 USD/tấn giảm tới 2% so với cùng kỳ năm 2007.

Cao su

Tổng khối lượng cao su xuất khẩu 11 tháng đầu năm ước đạt 586 ngàn tấn với trị giá hơn 1,5 tỷ USD; giảm 8,3 % về lượng nhưng tăng 22,3% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2007. Giá cao su xuất khẩu bình quân tháng 11/08 đã giảm tới 12% so với cùng kỳ năm ngoái do yếu tố giá dầu thế giới giảm.

Hạt điều

Tổng khối lượng điều xuất khẩu của 11 tháng đầu năm ước đạt 153 ngàn tấn với trị giá 853 triệu USD, tăng cả về lượng (gần 11 %) và về kim ngạch (45,9 %) so với cùng kỳ năm 2007.

Thủy sản

Tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản 11 tháng lên 4,279 tỷ, bằng 100,68 % kế hoạch và tăng 24,32 % so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là lần đầu tiên, xuất khẩu thủy sản vượt qua mức 4 tỷ USD và tiếp tục duy trì mức tăng trưởng ổn định ở mức cao.

Mặc dù gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ tại thị trường Nga, nhưng cá tra, basa vẫn có đà tăng trưởng ổn định, gần đuổi kịp kim ngạch xuất khẩu tôm đông lạnh chế biến. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản 10 tháng năm 2008 đạt 1,23 tỷ USD, tăng 50,87 % so với cùng kỳ (Nga chiếm 13,73 %, Ucraina : 10,46 %, Tây Ban Nha : 8,37 %), khối lượng xuất khẩu 542,9 ngàn tấn, tăng gần 71 % so với cùng kỳ năm 2007. Nga, Ucraina và Ai Cập đang tiếp tục đẩy mạnh nhập khẩu cá tra của Việt Nam. Nga là thị trường đơn lẻ có mức kim ngạch nhập khẩu cá tra của Việt Nam cao nhất. Lượng cá tra xuất sang Ai-cập đã tăng tới 250 %. Mặt hàng tôm đông lạnh chế biến vẫn giữ vị trí thứ nhất về kim ngạch đạt 1,35 tỷ USD (tăng 9,95 % so với cùng kỳ) với khối lượng 157,5 ngàn tấn (tăng 21,87% so với cùng kỳ), các thị trường tiêu thụ tôm đông lạnh lớn là Nhật 334,3 triệu USD (chiếm 29,76 % giá trị xuất khẩu tôm đông lạnh), Mỹ 321,5 triệu USD (27,79 %).

Về thị trường, EU vẫn là thị trường nhập khẩu số một của Việt Nam với giá trị đạt 965,2 triệu USD (chiếm 25,21 % tổng giá trị xuất khẩu), tiếp theo là Nhật 684,7 triệu USD (chiếm 17,89 %), Mỹ đứng thứ 3 đạt 616,6 triệu USD (chiếm 16,11 %).

Bảng 2 : Tình hình xuất khẩu nông sản đến tháng 11/2008

Đơn vị tính: Lượng (1.000tấn), giá trị (triệu USD)

Chỉ tiêu	TH 11 tháng - 2007		Ư. TH tháng 11/08		Ư. TH 11 tháng -2008		% so sánh 08/07	
	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
A	1	2	3	4	5	6	7 = 5/1	8 = 6/2
XUẤT KHẨU								
Tổng kim ngạch XK		11,973		1,221		14,853		124.1
1. Nông sản, trong đó:		5,658		497		7,804		137.9
Cà phê	1,084	1,662	60	102	863	1,782	79.5	107.2
Cao su	639	1,229	70	131	586	1,504	91.7	122.3
Gạo	4,447	1,436	250	119	4,278	2,703	96.2	188.3
Chè	103	116	10	13	100	140	97.5	120.4
Hạt điều	138	584	14	73	153	853	110.6	145.9
Lạc nhân	36	30	1	1	14	14	38.6	45.3
Hạt tiêu	77	252	7	23	86	300	111.1	119.5
Hàng rau quả		274		25		338		123.6
Đường	12	5	1.0	0.4	13	5	109.7	110.9
Sữa & sản phẩm sữa		29		3		70		245.7
Dầu mỡ động, thực vật		41		6		94		227.6

(Nguồn: Theo số liệu thống kê của tổng cục hải quan)

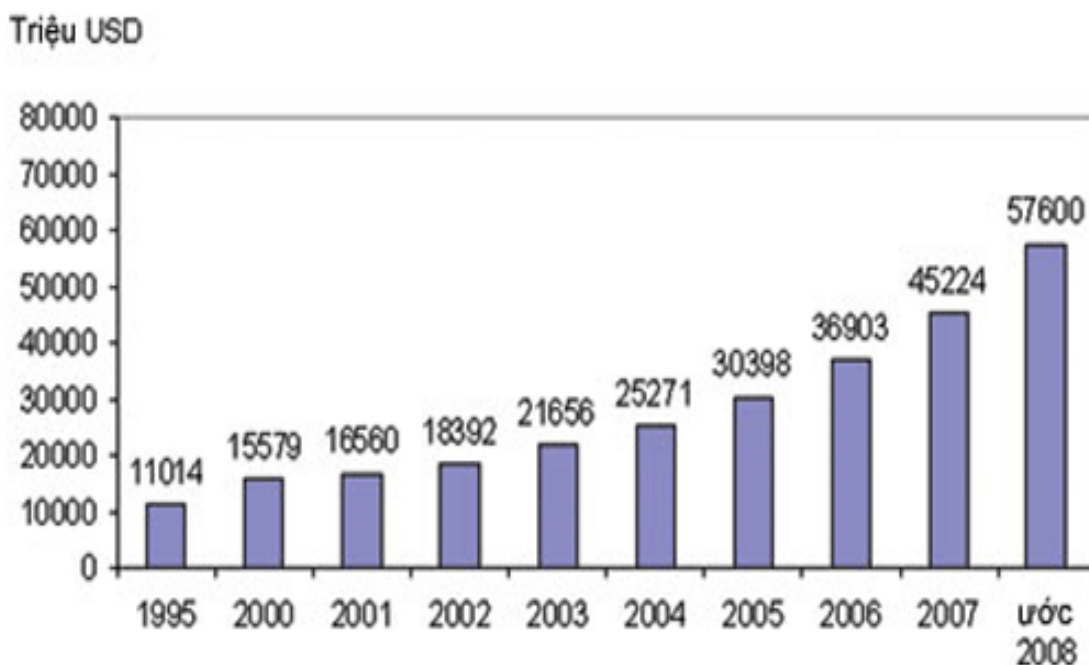
Triển vọng thị trường nông sản năm 2009

Cuộc khủng hoảng tài chính nặng nề tại các thị trường chủ chốt như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản... chính là nguyên nhân khiến sức cầu sụt giảm mạnh. Rắc rối của hệ thống ngân hàng tại những thị trường lớn làm hạn chế khả năng thanh khoản của các doanh nghiệp nhập khẩu hàng từ Việt Nam. Nhiều quỹ đầu tư đồng loạt rút vốn ra khỏi hoạt động đầu tư nông sản dẫn tới sự giảm cầu trên các thị trường kỳ hạn, làm giá nông sản giảm đột ngột. Việc nhiều quốc gia tăng trợ cấp nông nghiệp để đảm bảo an ninh lương thực cũng khiến nông sản mất giá. Nhận định trong năm 2009, hệ quả của khủng hoảng tài chính vẫn ảnh hưởng lớn tới xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Sức cầu giảm, giá giảm, dự báo kim ngạch xuất khẩu năm sau không tăng trưởng mạnh như các năm trở lại đây.

THỊ TRƯỜNG BÁN LẺ: MIẾNG BÁNH NỘI TRƯỚC NGUY CƠ THU NHỎ

Những năm qua, các hệ thống phân phối hàng hoá tại thị trường nội địa đã phát triển cả về số lượng và qui mô, bước đầu thoả mãn nhu cầu đa dạng về hàng hoá tiêu dùng cho sản xuất và dân cư. Năm 2007, tổng doanh thu bán lẻ đạt 44 tỷ USD, tăng 25% so với 2006, 11 tháng 2008 tăng trên 30,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Số lượng siêu thị, trung tâm thương mại tăng lên nhanh chóng. Đến nay, Việt Nam có 400 siêu thị, 60 trung tâm thương mại và gần 2.000 cửa hàng tiện ích. Dự kiến năm 2010 số siêu thị, trung tâm thương mại tăng lần lượt là 62,5% và 150%. (Nguồn: Bộ công thương).

Biểu đồ 6: Thông kê tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng qua các năm



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Thị trường nội địa hiện nay đã xuất hiện một số hệ thống phân phối hàng hoá có hiệu quả của các doanh nghiệp Việt Nam như G7 Mart, Hapro Mart, Satra...và một loạt các doanh nghiệp kinh doanh theo kiểu tiện lợi cũng được ra đời như chuỗi các cửa hàng tiện ích 24/seven của công ty cổ phần Hoang Corp, chuỗi cửa hàng V-24h của Công ty cổ phần phân phối Vina...

Việt Nam có một thị trường bán lẻ hấp dẫn, tuy nhiên, trong con mắt của các nhà phân phối hàng đầu thế giới hiện nay, thị trường Việt Nam mới chỉ dừng lại ở mức "tiềm năng" hoặc "cần lưu ý" với tốc độ tăng trưởng cao. Đó là vì hai yếu tố quan trọng nhất đối với các nhà phân phối lớn là thu nhập của người tiêu dùng và quy mô thị trường Việt Nam vẫn còn thấp so với chuẩn của họ (với thu nhập đầu người dưới 1.000 USD/năm và quy mô thị trường mới vào khoảng 20 tỷ USD). Vì vậy mà cho tới nay mới chỉ có 1 trong 10 tập đoàn bán lẻ hàng đầu thế giới gia nhập thị trường Việt Nam là Metro, còn các đại gia khác như Wal-Mart, Tesco, Target, Costco...vẫn đang đứng ngoài cuộc.

Hiện nay, kênh phân phối hiện đại mới chỉ chiếm hơn 10% doanh thu của toàn bộ thị trường bán lẻ. Điều này cho thấy người tiêu dùng chưa để mắt nhiều đến hình thức này. Tuy nhiên, khi các “ông lớn” vào cuộc với các chiến dịch quảng bá thương hiệu bài bản, rầm rộ, những phương thức chiêu lòng khách hàng chuyên nghiệp, chắc chắn kênh bán lẻ hiện đại sẽ trở thành tâm điểm thu hút sự tập trung của khách hàng và hình thành cho người tiêu dùng Việt Nam thói quen mua sắm thường xuyên tại các trung tâm thương mại, đại siêu thị, siêu thị.

Theo cam kết gia nhập WTO, từ 1-1-2009, thị trường bán lẻ Việt Nam sẽ chính thức mở cửa cho các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Sự có mặt của họ sẽ làm thị trường bán lẻ Việt Nam đầy tiềm năng trở nên phong phú và chuyên nghiệp hơn. Nhưng rất có thể, điều này đồng nghĩa với ngành phân phối non trẻ trong nước sẽ bị các tập đoàn phân phối hùng mạnh của nước ngoài thôn tóm.

Hệ thống bán lẻ nội địa còn quá non trẻ so với bề dày của các “đại gia” trên thế giới, tuy nhiên, các doanh nghiệp bán lẻ và phân phối nội địa cũng có nhiều lợi thế. Thứ nhất là việc am hiểu sâu sắc môi trường văn hóa, tập quán, thói quen, ngôn ngữ địa phương v.v. Thực tiễn cho thấy, thói quen mua sắm và văn hóa tiêu dùng có thể là rào cản rất khó vượt qua trong hoạt động phân phối của các doanh nghiệp nước ngoài tại nước sở tại. Nếu các doanh nghiệp này không tìm cách thích ứng, điều chỉnh phong cách bán hàng của mình phù hợp với những rào cản này thì khả năng thất bại là rất lớn. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp bán lẻ nội địa cũng được sự hỗ trợ của nhà nước về cơ chế chính sách, thông tin, tư vấn pháp luật, đào tạo bồi dưỡng nhân lực v.v. Hiện nhiều doanh nghiệp bán lẻ trong nước đang chiếm được nhiều địa điểm kinh doanh tốt, năng lực lãnh đạo và trình độ quản trị kinh doanh ngày càng được nâng cao.

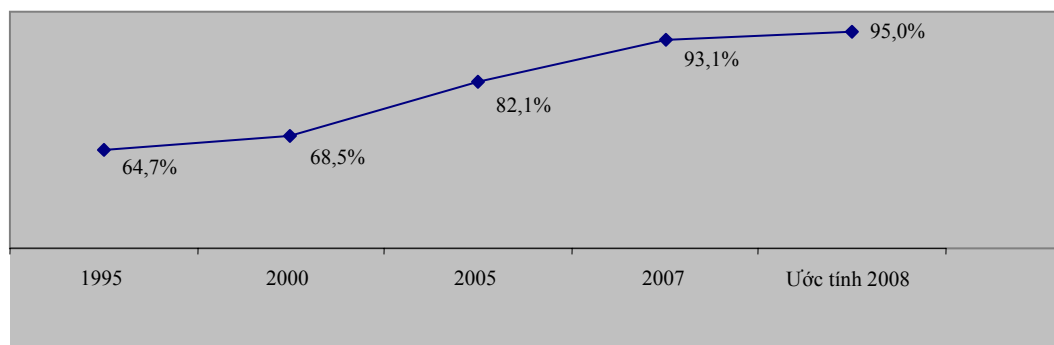
Tuy nhiên, do kinh nghiệm còn non yếu, hệ thống tiếp thị và cách tiếp thị của chúng ta chưa đánh đúng tâm lý khách hàng. Nói cách khác, hệ thống bán lẻ của Việt Nam chưa kích thích, chưa dẫn đường và tác động vào tâm lý người tiêu dùng để thay đổi tập quán tiêu dùng. Thêm nữa, vốn cũng là một điểm yếu của các doanh nghiệp bán lẻ nội địa.

Thế mạnh của các nhà bán lẻ nước ngoài là tiềm lực về vốn và kinh nghiệm quản lý. Trong kế hoạch chinh phục thị trường bán lẻ mới, họ sẵn sàng chấp nhận lỗ trong một thời gian dài, trong khi đây lại là hạn chế của DN nội địa. Bên cạnh đó, việc thiếu một chiến lược tổng thể, định hướng kinh doanh rõ ràng và hầu hết còn thiếu tính chuyên nghiệp, thiếu sự gắn kết giữa sản xuất và tiêu thụ, đặc biệt là chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm rất kém, nguồn cung hàng hoá không ổn định.

Tám mươi sáu triệu dân, thị trường bán lẻ Việt Nam – Mảnh đất màu mỡ

Khi nền kinh tế phát triển, với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình 6-7%/năm, quy mô thị trường sẽ tăng lên, chiếc bánh bán lẻ vì thế cũng "phình" ra, tạo thêm cơ hội cho các nhà phân phối nội địa lẫn nước ngoài. Bên cạnh đó, với quy mô dân số khoảng 86,5 triệu dân, trong đó lực lượng công dân trẻ chiếm 65%, cộng thêm thị trường nông thôn hiện sức mua thấp, tuy nhiên cơ cấu dân số nông thôn – thành thị đang chuyển biến nhanh chóng theo hướng tăng tỷ lệ dân cư đô thị, Việt Nam sẽ là thị trường bùng phát về sức mua trong thời gian tới. Theo các ước tính sơ bộ, doanh thu thị trường bán lẻ tăng khoảng 12,3%/năm và doanh thu năm 2008 ước tính đạt 57,6 tỉ USD.

Biểu đồ 7: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng/Tiêu dùng cuối



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái toàn cầu làm cho nhu cầu tiêu dùng của các nước không còn tăng với tốc độ như cũ, thậm chí đối với một số nước, một số bộ phận dân cư, một số chủng loại hàng hóa, dịch vụ (như hàng hóa cao cấp, hóa mỹ phẩm cao cấp, du lịch nước ngoài,...) còn bị giảm. Trong khi Việt Nam tăng trưởng kinh tế vẫn thuộc loại cao so với các nước, tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tuy chậm hơn so với các năm trước nhưng tính chung 10 tháng qua vẫn tăng 6,1%..., thì thị trường Việt Nam vẫn còn rất hấp dẫn.

Miếng bánh nội địa trước nguy cơ thu nhỏ

Từ ngày 1-1-2009, các DN bán lẻ nước ngoài được đầu tư trực tiếp vào thị trường Việt Nam. Đây là một thử thách không nhỏ đối với các doanh nghiệp nội địa hoạt động trong lĩnh vực. Trước khi gia nhập WTO (trước 2007), các doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam đã chịu sức ép cạnh tranh từ các tập đoàn phân phối nước ngoài như Metro Cash&Carry (Đức), Bourbon (Pháp), Parkson (Malayxia), Zen Plaza (Hàn Quốc)...

Hiện các nhà bán lẻ nước ngoài đã chiếm khoảng 10% thị phần bán lẻ Việt Nam, thu hút được gần 60% lượng khách hàng trong hệ thống siêu thị. Sắp tới sẽ có nhiều tập đoàn kinh doanh bán lẻ lớn của nước ngoài vào Việt Nam, như Dairy Farm (Singapore), Lotte (Hàn Quốc) và một số tập đoàn của Mỹ đang tìm hiểu thủ tục xin cấp phép kinh doanh bán lẻ tại Việt Nam. Thậm chí, theo Tổng Giám đốc Tập đoàn Phú Thái, ông Phạm Đình Đoàn, nếu tập đoàn Wal Mart (Mỹ) vào Việt Nam khoảng 10 chuỗi cửa hàng thì tương lai sẽ có tới 80% doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam phá sản!

Trong khi DN nội địa phải đối mặt với nhiều thách thức lớn, thì Bộ Công Thương lại chưa có quy định áp dụng biện pháp ENT (kiểm tra nhu cầu kinh tế) trong lĩnh vực cấp phép cơ sở bán lẻ thứ hai trở đi. Sự lúng túng trong việc đưa ra quy định thực thi ENT diễn ra cả một thời gian dài. ENT được hiểu là điều kiện để các cơ quan quản lý kiểm tra, xem xét nhu cầu và khả năng của thị trường trong nước trước khi quyết định cấp hay không cấp giấy phép thành lập nhiều hơn một cơ sở bán lẻ của DN nước ngoài. Theo cam kết, tiêu chí ENT phải có vào ngày đầu tiên trở thành thành viên của WTO, thế nhưng đến nay vẫn chưa có gì biến chuyển.

Chuyên nghiệp hơn, đa dạng hơn – 2009 năm bản lề

Từ 1-1-2009, thị trường bán lẻ Việt Nam sẽ có mặt của các nhà phân phối nước ngoài, theo cam kết, các doanh nghiệp nước ngoài được đầu tư 100% vốn, họ có quyền thiết lập hệ thống phân phối (trừ những sản phẩm ta chưa cho phép), họ có quyền bình đẳng trong hoạt động kinh doanh như các doanh nghiệp Việt Nam, như vậy sức nóng về cạnh tranh sẽ tăng cao đối với các DN bán lẻ của Việt Nam.

Nhưng theo ông Phan Thế Ruệ, chủ tịch Hiệp hội Bán lẻ Việt Nam, nguyên thứ trưởng Bộ Thương mại, thực chất các tập đoàn bán lẻ lớn trên thế giới đã vào Việt Nam dưới nhiều hình thức liên doanh liên kết với các DN trong nước thời gian qua và đã có cuộc cạnh tranh âm thầm nhưng hết sức quyết liệt, một số tập đoàn đã chiếm được thị trường ở một số địa bàn, nhất là ở các thành phố lớn và khu công nghiệp như Metro Cash, Bourbon... Việc mở cửa thị trường phân phối ngày 1-1-2009 sẽ chưa có gì xáo trộn đối với các DN phân phối Việt Nam mà có lẽ phải tới năm 2011-2012 trở đi thì thị trường này mới thật sự cạnh tranh quyết liệt. Có chăng trong khoảng thời gian 2-3 năm tới người tiêu dùng sẽ được hưởng lợi rõ nhất là được tiếp cận với nhiều mặt hàng phong phú, chủng loại, chất lượng cao và giá cạnh tranh.

Trong thời gian đầu mở cửa, các doanh nghiệp phân phối Việt Nam nếu biết tận dụng cơ hội, biết phát huy thế mạnh và biết liên kết với nhau vẫn có thể cạnh tranh hiệu quả với các DN nước ngoài. Thông thường, khi các tập đoàn phân phối nước ngoài vào bất kỳ nước nào đó, họ không thể tự thiết lập được chuỗi phân phối nếu như không dựa vào các doanh nghiệp nước sở tại. Tương tự khi vào Việt Nam, họ cũng phải mất một khoảng thời gian dựa vào DN Việt Nam. Đương nhiên chúng ta phải chấp nhận môi trường kinh doanh mới, chấp nhận một sân chơi bình đẳng với các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động phân phối cùng chúng ta. Vì vậy, các nhà phân phối Việt Nam cần vạch ra chiến lược kinh doanh của mình cho phù hợp với lộ trình kinh doanh trong môi trường cạnh tranh mới. Trước mắt cần hợp tác, liên kết giữa các doanh nghiệp Việt Nam để tạo ra quy mô và sức cạnh tranh tốt hơn, đồng thời có thể liên kết với các DN nước ngoài để tận dụng thế mạnh của họ, khắc phục những mặt yếu, tận dụng thời cơ vươn lên làm chủ thị trường ở những địa bàn và những sản phẩm quan trọng.

Để có thể cạnh tranh với DN nước ngoài, doanh nghiệp trong nước cần xây dựng mô hình quản lý gọn nhẹ, giảm trung gian, xây dựng các kênh phân phối liên hoàn; mạng lưới kinh doanh không được bó hẹp trong một khu vực mà cần mở rộng ra cả nước. Để phát triển được các nguồn lực kinh doanh, DN cần xây dựng chiến lược, lộ trình phát triển thương hiệu mạnh; tranh thủ mọi nguồn lực để chiếm lĩnh những vị trí có lợi thế thương mại. Tìm kiếm các phương thức tạo vốn và huy động vốn kinh doanh, vốn đầu tư. Nâng cao khả năng tiếp cận các công nghệ phân phối hiện đại phù hợp với khả năng của từng doanh nghiệp.

Để đảm bảo nguồn hàng trong quá trình hoạt động, DN bán lẻ không chỉ cần có kế hoạch dự trữ hàng hoá hợp lý mà còn cần tăng cường hợp tác liên kết với các nhà sản xuất. Ký kết các hợp đồng phân phối sản phẩm dài hạn với các nhà sản xuất, cung ứng trong và ngoài nước. Có chương trình hỗ trợ về tín dụng, kỹ thuật, giống... cho các hộ sản xuất nhỏ, nhất là nông dân để có thể chủ động nguồn hàng, nhất là các sản phẩm nông nghiệp.

Các DN bán lẻ muốn đẩy mạnh được việc tiêu thụ hàng hoá với số lượng lớn cần tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến bán hàng, tham gia vào các thị trường giao dịch lớn. Xây dựng, bố trí các kho hàng gần nơi tiêu thụ, tăng cường đội vận chuyển, giao nhận hàng hoá khi khách có yêu cầu. Đưa ra các chương trình tín dụng thương mại đối với hệ thống các đại lý nhỏ.

Nhìn chung, các ngành kinh tế của Việt Nam, trong đó có ngành bán lẻ, năm tới sẽ còn bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính và sự suy thoái của nền kinh tế thế giới. Cho nên năm 2009 sẽ không phải là năm mà chúng ta có thể chứng kiến những sự sôi động trên thị trường bán lẻ. Năm 2008, con số thực về tăng trưởng của thị trường bán lẻ Việt Nam xấp xỉ khoảng 10%, không được trên 20% như mọi năm. Năm 2009 diễn biến còn nhiều khó khăn nên khả năng tăng trưởng được dự báo là sẽ thấp hơn so với năm 2008.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2008

Tổng sản phẩm trong nước năm 2008 theo giá so sánh 1994				Đóng góp của mỗi khu vực vào tăng trưởng 2008 (Điểm %)
	Tốc độ tăng so với năm trước (%)			
	2006	2007	2008	
Tổng số	8,23	8,48	6,23	6,23
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3,69	3,40	3,79	0,68
Công nghiệp và xây dựng	10,38	10,60	6,33	2,65
Dịch vụ	8,29	8,68	7,20	2,90

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2008			
	Ngìn tỷ đồng	Cơ cấu (%)	So với cùng kỳ năm trước
Tổng số	637,3	100,0	122,2
Khu vực Nhà nước	184,4	28,9	88,6
Khu vực ngoài Nhà nước	263,0	41,3	142,7
Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	189,9	29,8	146,9

Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 12 và năm 2008 (Giá so sánh 1994)

Thực hiện (Tỷ đồng)

	Chính thức 11 tháng năm 2008	Ước tính tháng 12 năm 2008	Cộng dồn 12 tháng năm 2008	Tháng 12 năm 2008 so với tháng 12 năm 2007 (%)	Năm 2008 so với năm 2007 (%)
Tổng số	596.923	55.843	652.766	111,8	114,6
Khu vực doanh nghiệp Nhà nước	151.119	13.677	164.796	102,6	104,0
Trung ương	116.820	10.581	127.401	103,8	105,5
Địa phương	34.299	3.096	37.395	98,7	99,2
Khu vực Ngoài Nhà nước	206.886	18.585	225.471	111,6	118,8
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	238.918	23.581	262.499	118,1	118,6
Dầu mỏ và khí đốt	19.311	1.856	21.167	102,6	95,7
Các ngành khác	219.607	21.725	241.332	119,7	121,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

BÁO CÁO NHANH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI NĂM 2008

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tháng 12	Năm 2007	Năm 2008	So cùng kỳ
I/	Tình hình thực hiện:					
1	Vốn đầu tư thực hiện	triệu USD	1.450	8.030	11.500	143,2%
2	Doanh thu	triệu USD	5.100	40.630	50.550	124,4%
3	Xuất khẩu	triệu USD	2.100	19.286	24.455	126,8%
4	Nhập khẩu	triệu USD	2.200	21.730	28.458	131,0%
5	Nộp Ngân sách	triệu USD	150	1.576	1.982	125,8%
6	Số lao động cuối kỳ báo cáo	nghìn người	15	1.265	1.467	116,0%
II/	Cấp mới và tăng vốn					
1	Số dự án cấp mới	dự án	112	1.544	1.171	75,8%
2	Vốn đăng ký cấp mới	triệu USD	1.254	18.718	60.271	322,0%
3	Số lượt dự án tăng vốn	lượt dự án	38	420	311	74,0%
4	Vốn tăng thêm	triệu USD	219	2.629	3.740	142,3%
5	Vốn cấp mới và tăng thêm	triệu USD	1.473,3	21.347,0	64.011,0	299,9%

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ tháng 12 năm 2008

	Tháng 12 năm 2008 so với:			Chỉ số giá bình quân năm 2008 so với năm 2007 (%)
	Kỳ gốc (2005)	Tháng 12 năm 2007	Tháng 11 năm 2008	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	146,07	119,89	99,32	122,97
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	171,79	131,86	99,87	136,57
Trong đó: Lương thực	191,11	143,25	97,64	149,16
Thực phẩm	163,86	126,53	100,76	132,36
Đồ uống và thuốc lá	130,36	113,1	100,68	110,75
May mặc, giày dép và mũ nón	128,42	112,9	101,01	110,33
Nhà ở và vật liệu xây dựng	137,86	108,46	97,64	120,51
Thiết bị và đồ dùng gia đình	127,54	112,68	100,6	109,06
Dược phẩm, y tế	123,78	109,43	100,35	108,87
Phương tiện đi lại, bưu điện	123,39	106,56	93,23	116
Trong đó: Bưu chính, viễn thông	78,43	84,93	94,02	88,24
Giáo dục	115,35	106,87	100,17	104,16
Văn hoá, thể thao, giải trí	116,83	110,33	100,66	105,87
Đồ dùng và dịch vụ khác	133,86	112,97	100,75	113,17
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	196,29	106,83	100,78	131,93
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	107,86	106,31	101,14	102,35

Nguồn: Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp phép từ 01/01- 19/12/2008

	Số dự án	Số vốn đăng ký (Triệu USD)	
			Trong đó:
	(Dự án)	Tổng số	Vốn điều lệ
Tổng số	1171	60271,2	15428,9
Phân theo lĩnh vực đầu tư			
Dầu khí	8	10.575	2.313
Công nghiệp nặng	177	19.441	4.640
Công nghiệp nhẹ	245	1.819	702
Công nghiệp thực phẩm	35	434	184
Xây dựng	107	351	146
Nông, lâm nghiệp	40	247	149
Thủy sản	5	5	5
Giao thông vận tải, Bưu điện	25	1.859	686
Khách sạn, du lịch	26	9.126	1.867
Tài chính, ngân hàng	1	18	18
Văn hoá, y tế, giáo dục	21	490	48
Xây dựng hạ tầng KCX-KCN	5	137	36
Xây dựng khu đô thị mới	5	4.897	2.042
Xây dựng văn phòng, căn hộ	33	9.595	2.191
Dịch vụ khác	438	1.279	401